TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN T** **TỈNH LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2023
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A

***Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Nguyễn Vĩnh L

2. Bà Nguyễn Ngọc N

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 172/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1979

Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh LA

2. Bị đơn: Ông Võ MT, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh LA

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ kiện như sau:

Bà Lê Thị Tuyết H và ông Võ MT kết hôn với nhau vào năm 1999, đăng kí kết hôn tại UBND xã Nhơn N. Thời gian đầu sau kết hôn, bà H và ông MT chung sống với nhau có hạnh phúc. Sau đó, trong quá trình sống cuộc sống gia đình không có sự hòa hợp, thường xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không thể sống chung được nữa. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nhưng bà cố gắng nhẫn nhịn duy trì hôn nhân vì con. Tuy nhiên, đến nay mâu thuẫn trầm trọng, bà không thể tiếp tục chung sống cùng với ông MT. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông MT.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Lê Minh T, sinh năm 2001 và Võ Lê HT, sinh ngày 15/11/2011. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là Võ Lê HT và không yêu cầu ông MT cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2023, bị đơn Võ MT trình bày: Ông MT và bà H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã Nhơn N. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà H có xảy ra mâu thuẫn, xích mích với nhau nên bà H xin ly hôn. Hiện nay, ông MT không đồng ý ly hôn mà đề nghị chờ thời gian để thuyết phục bà H rút đơn xin ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung như bà H trình bày. Trong trường hợp bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H thì ông MT đồng ý đồng ý giao con chung chưa thành niên tên Võ Lê HT, sinh ngày 15/11/2011 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của bà H, ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh LA nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn Võ MT đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở

ngại khách quan. Do đó, Hội xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Lê Thị Tuyết H và ông Võ MT đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn N, huyện Tân Tân T, tỉnh LA, vào sổ đăng ký kết hôn số 27/1999 ngày 26/7/1999 nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông MT là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H trình bày trong thời gian chung sống, giữa bà và ông MT chỉ chung sống có hạnh phúc trong thời gian đầu. Sau khi sinh con chung thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do giữa vợ chồng không có sự hòa hợp; ông MT không có sự cảm thông, thấu hiểu, chia sẻ với bà H trong việc gia đình; ông MT không hỗ trợ, giúp đỡ cho bà H trong công việc mà còn nhiều lần gây khó khăn cho bà; khi vợ chồng cãi vã với nhau ông còn hành hung bà. Nhiều lần bà bỏ qua, ông MT hứa sửa chữa nhưng sau đó vẫn không thay đổi, bà chịu nhiều áp lực về tinh thần nên tình cảm không còn. Bà H và ông MT đã sống ly thân với nhau khoảng 07 (Bảy) năm. Hiện nay, bà cương quyết xin được ly hôn với ông MT.

Ông Võ MT vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản trình bày giữa ông và bà H có xảy ra mâu thuẫn, xích mích trong thời gian chung sống. Trước yêu cầu ly hôn của bà H, ông MT không đồng ý và đề nghị chờ thời gian để thuyết phục bà H rút đơn xin ly hôn. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 05/01/2023, theo đề nghị của ông MT, Tòa án đã cho ông và bà H thời gian để xác định lại yêu cầu, giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm và có thời gian để ông MT thuyết phục bà H rút đơn ly hôn. Tuy nhiên, khi thông báo mở lại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai vào ngày 09/02/2023, bà H vẫn cương quyết xin ly hôn. Còn ông MT vắng mặt nên Tòa án không thể hòa giải được. Ông MT cũng không có biện pháp nào, hoặc thiện chí để bà H thay đổi ý kiến, quan điểm về việc xin ly hôn với ông. Ông MT cũng đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có văn bản trình bày ý kiến của ông nên xem như ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông MT đã đến mức trầm trọng, mẫu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, tình cảm giữa vợ và chồng không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Bà H và ông MT có 02 con chung, trong đó có 01 con chung tên Võ Lê HT, sinh ngày 15/11/2011. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông MT cấp dưỡng nuôi con. Ông MT có văn bản trình bày ý kiến trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông đồng ý giao con chung chưa thành niên cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy bà H có nghề nghiệp giáo viên, có nguồn thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Đồng thời, Võ Lê HT có văn bản nêu nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Ông MT được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H và ông MT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết H: Bà Lê Thị Tuyết H được ly hôn với ông Võ MT.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Tuyết H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Võ Lê HT, sinh ngày 15/11/2011.

Sau khi ly hôn, ông Võ MT có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Tuyết H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Tuyết H đã nộp theo biên lai thu số 0004332 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- TAND tỉnh LA;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyệnTân T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc A